TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2026/DS-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nhậm

Ông Nguyễn Văn Bơ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Phúc Thiện Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà bà Nguyễn Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 396/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1).
Địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Công M – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo uỷ quyền là ông Ngô Vĩnh P – Chuyên viên.

Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987;
Địa chỉ: A Khu phố D, phường T, tỉnh Tây Ninh.

(Ông P có đơn xin vắng mặt, bà N vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2025 và các lời trình bày của ông Ngô Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S1 có trong hồ sơ có nội dung:

Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B1 (S2) (nay là Ngân hàng TMCP S1) cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Hồng N theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 1659391 ngày 29/12/2020 cấp hạn mức thẻ là 25.000.000đ. Ngày 14/6/2022, bà N có nhu

cầu nâng hạn mức nên Ngân hàng và bà N đã ký kết "Tờ trình cấp thẻ tín dụng cá nhân" để nâng hạn mức thẻ của bà N được cấp là 40.000.000đ với lãi suất 31,2%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà N nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S1 đã chuyển toàn bộ khoản cấp tín dụng thành nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng S1 thường xuyên đôn đốc, làm việc trực tiếp để yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng S1 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà N chủ động để trả nợ. Tuy nhiên, bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn để trả nợ cho Ngân hàng S1 theo quy định tại hợp đồng tín dụng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 10/11/2025, bà N có trách nhiệm phải thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền là 105.732.687đ, trong đó: nợ gốc là 45.970.307đ, nợ lãi (trong hạn + quá hạn) là 59.762.380đ.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết:

- Buộc bà N phải trả ngay cho Ngân hàng S1 số tiền tính đến ngày 10/11/2025 là 105.732.687đ, trong đó: nợ gốc là 45.970.307đ, nợ lãi (trong hạn + quá hạn) là 59.762.380đ.

- Bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 11/11/2025 đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Buộc bà N phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh có liên quan.

Ngày 28/7/2026, Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án bảng kê số tiền bà N còn thiếu, cụ thể là: nợ gốc là 45.970.307đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.292.400đ, tổng cộng là 122.262.707đ. Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán tổng số tiền gốc vay và lãi vay là 122.262.707đ và yêu cầu bà N tiếp tục chịu tiền lãi suất cho đến khi trả hết số nợ vay.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của bà N đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà N cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng S1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Hồng N có địa chỉ cư trú tại phường T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là Ngân hàng S1, Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà N đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N không chấp hành. Riêng ông Ngô Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S1 là Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: Căn cứ theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng" số 1659391 ngày 29/12/2020 và "Tờ trình cấp thẻ tín dụng cá nhân" ngày 14/6/2022 được ký kết giữa Ngân hàng S1 và bà Nguyễn Thị Hồng N có chữ ký tên và chữ viết tên Nguyễn Thị Hồng N nên đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 40.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất thẻ là 31,2%/năm; phương thức thanh toán là chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ có quyền lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ. Trong quá trình giao dịch, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 37.286.866đ. Tính đến ngày 28/7/2026, bà N còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc vay là 45.970.307đ và tiền lãi phát sinh nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền gốc vay là 45.970.307đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.292.400đ, tổng cộng là 122.262.707đ. Do vậy, có đủ cơ sở buộc bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 45.970.307đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.292.400đ, tổng cộng là 122.262.707đ cho Ngân hàng S1 theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả tiền vay, bà N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà N trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh sau ngày 28/7/2026 (là ngày xét xử sơ thẩm): Căn cứ theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng" số 1659391 ngày 29/12/2020 và "Tờ trình cấp thẻ tín dụng cá nhân" ngày 14/6/2022 thì giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay đến thời điểm khách hàng vay chưa thanh toán xong khoản nợ, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng vay... Hội đồng xét xử xét thấy, việc Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu bà N tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 29/7/2026 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận với Ngân hàng TMCP S1 "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng" số 1659391 ngày

29/12/2020 và "Tờ trình cấp thẻ tín dụng cá nhân" ngày 14/6/2022 tương ứng với số tiền nợ và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền nợ là có căn cứ đúng quy định tại Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Bà N phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP S1.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ngân hàng TMCP S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng TMCP S1) yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N trả số tiền nợ gốc là 45.970.307đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.292.400đ, tổng cộng là 122.262.707đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng TMCP S1) tiền nợ gốc 45.970.307đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.292.400đ, tổng cộng là 122.262.707đ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 29/7/2026 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng TMCP S1) theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng" số 1659391 ngày 29/12/2020 và "Tờ trình cấp thẻ tín dụng cá nhân" ngày 14/6/2022 tương ứng với số tiền vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 6.113.135đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng TMCP S1) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.643.000đ theo biên lai thu số 0006385 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hoa phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 28 tháng 7 năm 2026.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Kiều T.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn N1
2. Ông Nguyễn Văn B.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 396/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* giữa:

Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1).
Địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Công M – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Ngô Vĩnh P – Chuyên viên.
* *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: A Khu phố D, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TRANH LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng TMCP S1) yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N trả số tiền nợ gốc là 45.970.307đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.292.400đ, tổng cộng là 122.262.707đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng TMCP S1) tiền nợ gốc 45.970.307đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.292.400đ, tổng cộng là 122.262.707đ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 29/7/2026 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng TMCP S1) theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng" số 1659391 ngày 29/12/2020 và "Tờ trình

cấp thẻ tín dụng cá nhân" ngày 14/6/2022 tương ứng với số tiền vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 6.113.135đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng TMCP S1) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.643.000đ theo biên lai thu số 0006385 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số: 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự

Tỷ lệ biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc ngày 28 tháng 7 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nhậm - Nguyễn Văn Bơ **Bùi Thị Kiều Trinh**